

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nội thị trấn Hồi Xuân
từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa (nay là xã Hồi Xuân).**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/04/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 về phê duyệt dự án; số 1840/QĐ-UBND ngày 30/5/2022 về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 5061/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa (nay là xã Hồi Xuân); số 1624/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 phân công thẩm định dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch UBND tỉnh; số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 điều chỉnh chủ đầu tư các dự án đầu tư công cấp huyện bàn giao về cấp tỉnh quản lý sau khi thực hiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp trên địa bàn tỉnh; số 3525/QĐ-UBND ngày 28/5/2025 phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn 98 dự án do Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn, Quan Hóa, Bầm Sơn, Mường Lát, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Như Xuân, Thường Xuân, Bá Thước, Như Thanh, Cẩm Thủy, Nga Sơn, Sầm Sơn, Triệu Sơn, Hà Trung, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Hậu Lộc, Ngọc

Lặc, Lang Chánh, Thọ Xuân và Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN làm chủ đầu tư;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 11728/TTr-SXD ngày 17/12/2025 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa (Kèm theo báo cáo thẩm định số 11718/SXD-HĐXD ngày 16/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022, phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 20/12/2024; theo đó, quy mô đầu tư xây dựng mới 3,82km đạt tiêu chuẩn đường cấp V miền núi theo TCVN 4054:2005, có: vận tốc thiết kế $V_{tk}=30\text{km/h}$; chiều rộng nền đường $B_n=6,5\text{m}$, mặt đường $B_m=5,5\text{m}$; lề đất $B_l=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$; mặt đường láng nhựa có $E_{yc}\geq 95\text{Mpa}$; công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT, tần suất thiết kế $P=4\%$, tải trọng thiết kế H30-XB80; tổng mức đầu tư 68 tỷ đồng (*Sáu mươi tám tỷ đồng*); thời gian thực hiện dự án: hoàn thành trước ngày 30/4/2025; chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Quan Hoá (nay là Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Hoá).

Đến nay, công tác giải phóng mặt bằng đã hoàn thành và giá trị khối lượng thực hiện tại gói thầu thi công xây dựng (Gói thầu số 09) đạt khoảng 81%.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình thực hiện, tên chủ đầu tư, địa điểm đầu tư của dự án có sự thay đổi do thực hiện việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; một số hạng mục cần điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tế hiện trường nên đã làm vượt tổng mức đầu tư được duyệt và đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 30/11/2025. Vì vậy, việc điều chỉnh dự án là cần thiết và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3. Nội dung điều chỉnh

3.1. Điều chỉnh, bổ sung thiết kế cơ sở:

a) Điều chỉnh thiết kế nền đường tại 09 đoạn, với tổng chiều dài 688m (gồm: Km0+272-Km0+327; Km0+571-Km0+659; Km0+719- Km0+756; Km0+828-Km0+868; Km2+751-Km2+866; Km1+146-Km1+197; Km1+219-Km1+403; Km1+645-Km1+704; Km3+230-Km3+288): Điều chỉnh thiết kế đào đất, đá nền đường, bao gồm: Giữ nguyên độ dốc mái taluy nền đào (nền đất là 1/1 và 1/0,5-1/0,75 đối với đá cấp III, cấp IV); cắt giảm hạng mục khối lượng xáo xới nền đường đầm lèn lại $K\geq 0,98$ dày 30cm; cắt giảm lớp móng dưới bằng đá 4x6

dày 15cm đối với đoạn qua nền đá; phân khai lại trên từng mặt cắt ngang khối lượng đào đất, đào đá; khối lượng cụ thể được nghiệm thu theo đúng thực tế và thể hiện tại bản vẽ hoàn công, hồ sơ quản lý chất lượng.

b) Xử lý sạt lở mái taluy dương nền đường đoạn Km2+671-Km2+866 (dài 195m): Điều chỉnh độ dốc mái taluy đào nền đất từ 1/1 thành 1/1-1/2,5 tùy thuộc lớp địa chất đất (cấp III, cấp IV), đá (đá cấp IV); mở rộng nền đường mỗi bên 2m (tính từ mép ngoài rãnh đến chân mái taluy nền đào), bổ sung 01 hàng rọ đá hộc và gia cố rãnh dọc tiết diện chữ nhật, kích thước (0,6x0,4)m bằng đá hộc xây, lề đường từ mép ngoài mặt đường đến rãnh được gia cố bằng BTXM M300 dày 20cm.

c) Cập nhật một số nội dung điều chỉnh trong quá trình thi công *(đã được Chủ đầu tư phê duyệt)*:

- Dịch chuyển cục bộ tim tuyến đoạn Km1+129-Km1+594 về phía trái tuyến và điều chỉnh cao độ thiết kế đoạn Km1+445-Km1+641 để đảm bảo công thoát nước ngang tại Km1+444 không nằm trên đất Quốc phòng.

- Cắt giảm, không đầu tư 02 cống thoát nước ngang tại Km1+100, Km1+943 và bổ sung gia cố rãnh dọc dẫn nước về cống tại Km0+893, Km1+790 để phù hợp với địa hình thực tế.

- Điều chỉnh cắt giảm, không đầu tư 02 cống thoát nước ngang tại Km0+812, Km0+967, thay thế bằng 01 cống tại Km0+893, bổ sung gia cố rãnh dọc dẫn nước về cống này để phù hợp với địa hình thực tế.

- Bổ sung xử lý sạt lở mái taluy dương nền đường đoạn Km2+260-Km2+340 và Km3+650-Km3+792.

3.2. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh phê duyệt: **88.000.000.000 đồng** (*Tám mươi tám tỷ đồng*).

Trong đó:

- Chi phí GPMB:	5.576.282.000	đồng.
- Chi phí xây dựng:	67.020.326.000	đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.139.102.000	đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.264.603.000	đồng.
- Chi phí khác:	1.731.498.000	đồng.
- Chi phí dự phòng:	8.268.189.000	đồng.

3.3. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn tại điểm 10, Phụ lục 1, Điều 1 Quyết định số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “*Ngân sách tỉnh 68 tỷ đồng*” thành “*Ngân sách tỉnh 88 tỷ đồng*”.

3.4. Điều chỉnh địa điểm xây dựng tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh: từ “*thị trấn Hồi Xuân, huyện Quan Hóa*” thành “*xã Hồi Xuân*”.

3.5. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án tại Điều 1 Quyết định số 5061/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh: Từ “*Hoàn thành trước ngày 30/4/2025*” thành “*Hoàn thành trong năm 2026*”.

3.6. Các nội dung khác giữ nguyên theo các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022, số 5061/QĐ-UBND ngày 20/12/2024, số 2741/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 và số 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Giao Ban QLDA đầu tư xây dựng khu vực Quan Hóa (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về hoạt động đầu tư xây dựng; trong bước tiếp theo có trách nhiệm thực hiện đầy đủ kiến nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 11718/SXD-HĐXD ngày 16/12/2025.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Hóa, Sở Xây dựng, UBND xã Hồi Xuân theo chức năng nhiệm vụ được giao phải chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của số liệu, sự phù hợp với quy định của pháp luật về quy mô, nội dung, các giải pháp thiết kế, giá trị các hạng mục công trình trình phê duyệt.

- Đồng ý chủ trương gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng đối với các gói thầu có liên quan thuộc dự án; trong đó, Chủ đầu tư căn cứ thời gian thực hiện dự án được phê duyệt, thời gian cần thiết thực hiện phần khối lượng còn lại và trách nhiệm của các bên được quy định tại hợp đồng đã ký làm cơ sở điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng các gói thầu, đảm bảo hoàn thành dự án trong năm 2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Hồi Xuân; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Hóa và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
Dự án Đường nội thị trấn Hồi Xuân từ khu 1 đến khu 7, huyện Quan Hóa (nay là xã Hồi Xuân)
(Kèm theo Quyết định số: _____/QĐ-UBND ngày ____/____/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	Hạng mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Chi phí GPMB	5.576.282.000	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	5.576.282.000	0
II	Chi phí xây dựng	49.588.856.000	Cộng 1 - 3	67.020.326.000	17.431.470.000
1	Các hạng mục đã phê duyệt	49.588.856.000	Hợp đồng thi công xây dựng số 23/2023/HĐ-XD ngày 15/3/2023 và PLHĐ số 02/2024/PLHĐ-XD ngày 24/4/2024	53.265.467.000	
2	Điều chỉnh bù giá theo quy định của Hợp đồng		Khái toán theo Tờ trình số 18/TTr-BQLDA ngày 12/12/2025 của Ban QLDA	7.377.241.000	
3	Các hạng mục điều chỉnh, bổ sung lần này		Dự toán chi tiết	6.377.618.000	
III	Chi phí quản lý dự án	1.053.538.000	2,337% x0,8x 60.927.569.091	1.139.102.000	85.564.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.503.489.000	Cộng 1 - 19	4.340.723.000	-162.766.000
1	Lập nhiệm vụ khảo sát lập Báo cáo NCKT	27.176.349	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	27.176.349	-
2	Giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT	40.576.000		40.576.000	-
3	Khảo sát, lập Báo cáo NCKT	1.169.698.000	Quyết định số 02/QĐ-BQLDA ngày 11/01/2022 của Chủ đầu tư	1.169.698.000	-
4	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	27.000.000	Quyết định số 105/QĐ-BQLDA ngày 08/11/2022 của Ban QLDA	24.705.000	-2.295.000
5	Giám sát khảo sát bước BVTC	36.648.000		36.887.000	239.000

STT	Hạng mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
6	Lập thiết kế, cắm cọc GPMB	250.000.000	Hợp đồng số 89/BQLDA/2022/HĐ-BVTC ngày 28/7/2022	1.522.412.000	-178.024.000
7	Khảo sát bước lập BVTC	900.000.000			
8	Thiết kế BVTC và dự toán	550.436.000			
9	Thẩm tra thiết kế xây dựng	59.011.000	Quyết định số 105/QĐ-BQLDA ngày 08/11/2022 của Ban QLDA	114.551.000	-
10	Thẩm tra dự toán công trình	55.540.000		6.720.000	-
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	6.720.000		102.759.000	-
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu (khảo sát, thiết kế BVTC; xây lắp; giám sát)	102.759.000			
13	Giám sát thi công xây dựng	1.196.083.000	Hợp đồng thi công xây dựng số 02/2023/HĐ-TVGS ngày 27/4/2023	1.212.161.000	16.078.000
14	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	2.000.000	Quyết định số 206/QĐ-QLDA ngày 22/4/2024 của Ban QLDA	2.000.000	-
15	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu khảo sát, thiết kế BVTC	2.000.000		2.000.000	-
16	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu xây lắp	45.081.000		46.317.000	1.236.000
17	Phí thẩm định HSMT, KQLCNT gói thầu giám sát	2.000.000		2.000.000	-
18	Khảo sát, lập phương án, báo cáo kết quả rà phá bom mìn, vật nổ	18.750.000	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	18.750.000	-
19	Giám sát công tác rà phá bom mìn, vật nổ	12.011.000		12.011.000	-

STT	Hạng mục chi phí	TMDT theo QĐ số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
V	Chi phí khác	888.333.000	Cộng 1 - 10	1.655.378.000	767.045.000
1	Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng	9.520.000	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	9.520.000	-
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	10.459.000	Quyết định số 105/QĐ-BQLDA ngày 08/11/2022 của Ban QLDA	10.560.000	101.000
3	Phí thẩm định dự toán xây dựng	9.918.000		10.004.000	86.000
4	Chi phí rà phá bom mìn, vật nổ	375.000.000	Quyết định số 1201/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh	375.000.000	-
5	Chi phí kiểm toán	278.877.000	0,370% x 88.000.000.000	325.600.000	46.723.000
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	80.587.000	0,239% x 0,5x 88.000.000.000	105.160.000	24.573.000
7	Chi phí bảo hiểm công trình	123.972.000	Hợp đồng thi công xây dựng số 23/2023/HĐ-XD ngày 15/3/2023	195.904.251	71.932.251
8	Chi phí cấp quyền khai thác đất, đá tại công trường		Quyết định số 206/QĐ-BQLDA ngày 22/04/2024 của Ban QLDA	445.667.000	445.667.000
9	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình			254.082.638	254.082.638
10	Phạt hợp đồng Tư vấn khảo sát, lập thiết kế BVTC		Quyết định số 10/QĐ-BQLDA ngày 16/9/2025 của Ban QLDA và Biên lai thu tiền phạt	-76.120.000	-76.120.000
VI	Chi phí dự phòng	6.389.502.000	Cộng 1 - 2	8.268.189.000	1.878.687.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	5.120.325.741	8,31% x 79.731.811.000	6.625.713.494	1.505.387.753
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	1.269.176.259	2,06% x 79.731.811.000	1.642.475.307	373.299.048
	Tổng cộng	68.000.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	88.000.000.000	20.000.000.000